

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3511/QĐ-ĐHTL ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủy lợi)

TT	Học phần (Tiếng Việt)	Học phần (Tiếng Anh)	Mã Học phần	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
I	GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	GENERAL EDUCATION			25								
I.1	Lý luận chính trị	Political Subjects			13								
1	Pháp luật đại cương	General Law	GEL111	Luật	2	2							
2	Triết học Mác - Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	MLP121	Mác - Lênin	3		3						
3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	MLPE222	Mác - Lênin	2			2					
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Science Socialism	SCSO232	Mác - Lênin	2				2				
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	HCPV343	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2					2			
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Thought	HCMT354	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2						2		
I.2	Kỹ năng	Skills			3								
7	Kỹ năng mềm và tinh thần khởi nghiệp	Soft skills and Entrepreneurship	SSE111	Phát triển kỹ năng	3		3						
I.3	Tin học	Informatics			3								
8	Kỹ năng số và Khai thác AI	Digital Skills and AI Utilization	CSE105	Tin học và Kỹ thuật tính toán	3			3					
I.4	Ngoại ngữ	Foreign Language			6								
9	Tiếng Trung 1	Chinese 1	CHIN112	Ngôn ngữ Trung Quốc	3			3					
10	Tiếng Trung 2	Chinese 2	CHIN113	Ngôn ngữ Trung Quốc	3				3				
11	Tiếng Hàn Quốc 1	Korean 1	KORE113		3			3					
12	Tiếng Hàn Quốc 2	Korean 2	KORE124		3				3				
13	Tiếng Nhật 1	Japanese 1	JAP113		3			3					
14	Tiếng Nhật 2	Japanese 2	JAP124		3				3				

TT	Học phần (Tiếng Việt)	Học phần (Tiếng Anh)	Mã Học phần	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
I.5	Giáo dục quốc phòng	National Defence Education			165t	8*							
I.6	Giáo dục thể chất	Physical Education			3*	1*	1*	1*					
II	GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	PROFESSIONAL EDUCATION			115								
II.1	Kiến thức cơ sở khối ngành	Foundation Subjects			9								
15	Dẫn luận ngôn ngữ	Introduction to Linguistics	LING103	Phát triển kỹ năng	2			2					
16	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Fundamentals of Vietnamese Culture	CULT104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				2				
17	Lịch sử văn minh thế giới	History of World Civilization	CIVI104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				2				
18	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Research Methodology	RESE104	Ngôn ngữ Anh	3				3				
II.2	Kiến thức cơ sở ngành	Core Subjects			51								
19	Luyện âm tiếng Anh	English Pronunciation Training	EPRO101	Ngôn ngữ Anh	3	3							
20	Kỹ năng học đại học	Essential College Study Skills	STUD101	Ngôn ngữ Anh	2	2							
21	Kỹ năng tiếng tổng hợp 1	English Integrated Skill 1	ENGL111	Ngôn ngữ Anh	4	4							
22	Kỹ năng tiếng tổng hợp 2	English Integrated Skill 2	ENGL121	Ngôn ngữ Anh	4	4							
23	Kỹ năng tiếng tổng hợp 3	English Integrated Skill 3	ENGL132	Ngôn ngữ Anh	4		4						
24	Kỹ năng tiếng tổng hợp 4	English Integrated Skill 4	ENGL142	Ngôn ngữ Anh	4		4						
25	Kỹ năng Nghe Tiếng Anh 1	English Listening Skill 1	LIST113	Ngôn ngữ Anh	2			2					
26	Kỹ năng Nói Tiếng Anh 1	English Speaking Skill 1	SPEA113	Ngôn ngữ Anh	2			2					
27	Kỹ năng Đọc Tiếng Anh 1	English Reading Skill 1	READ113	Ngôn ngữ Anh	2			2					
28	Kỹ năng Viết Tiếng Anh 1	English Writing Skill 1	WRIT113	Ngôn ngữ Anh	2			2					
29	Kỹ năng Nghe Tiếng Anh 2	English Listening Skill 2	LIST124	Ngôn ngữ Anh	2				2				

TT	Học phần (Tiếng Việt)	Học phần (Tiếng Anh)	Mã Học phần	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
30	Kỹ năng Nói Tiếng Anh 2	English Speaking Skill 2	SPEA124	Ngôn ngữ Anh	2				2				
31	Kỹ năng Đọc Tiếng Anh 2	English Reading Skill 2	READ124	Ngôn ngữ Anh	2				2				
32	Kỹ năng Viết Tiếng Anh 2	English Writing Skill 2	WRIT124	Ngôn ngữ Anh	2				2				
33	Kỹ năng Đọc Tiếng Anh 3	English Reading Skill 3	READ135	Ngôn ngữ Anh	3					3			
34	Kỹ năng Viết Tiếng Anh 3	English Writing Skill 3	WRIT135	Ngôn ngữ Anh	3					3			
35	Kỹ năng Nghe Tiếng Anh 3	English Listening Skill 3	LIST135	Ngôn ngữ Anh	3					3			
36	Kỹ năng Nói Tiếng Anh 3	English Speaking Skill 3	SPEA135	Ngôn ngữ Anh	3					3			
37	Kỹ năng tư duy phê phán	Critical Thinking Skills	CRIT106	Ngôn ngữ Anh	2						2		
II.3	Kiến thức ngành	Core Units			15								
II.3.1	Các học phần bắt buộc	Compulsory Units			11								
38	Ngữ pháp Tiếng Anh	English Grammar	GRAM111	Ngôn ngữ Anh	3			3					
39	Dẫn nhập Ngữ âm và Âm vị học Tiếng Anh	Introduction to English Phonetics and Phonology	PHON104	Ngôn ngữ Anh	2					2			
40	Đất nước học Anh-Mỹ	British-American Country Study	BACS106	Ngôn ngữ Anh	3						3		
41	Giao tiếp liên văn hoá	Cross-Cultural	CROS106	Ngôn ngữ Anh	3						3		
II.3.2	Các học phần lựa chọn	Selective Units			4					4			
42	Dẫn nhập ngữ nghĩa học tiếng Anh	Introduction to English Semantics	SEMA105	Ngôn ngữ Anh	2					2			
43	Dẫn nhập ngữ dụng học Tiếng Anh	Introduction to English Pragmatics	PRAG105	Ngôn ngữ Anh	2					2			
44	Dẫn nhập từ vựng học Tiếng Anh	Introduction to English Lexicology	LEXI 105	Ngôn ngữ Anh	2					2			
II.4	Kiến thức chuyên ngành	English Language Expertise			40								
II.4.1	Định hướng Biên - Phiên dịch	Translation and Interpretation			40								

TT	Học phần (Tiếng Việt)	Học phần (Tiếng Anh)	Mã Học phần	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
II.4.1.1	Các học phần bắt buộc	Compulsory Units			21								
45	Biên dịch 1	Translation 1	TRAN126	Ngôn ngữ Anh	3						3		
46	Phiên dịch 1	Interpreting 1	INTE116	Ngôn ngữ Anh	3						3		
47	Lý thuyết dịch	Theory of Translation	TRAN116	Ngôn ngữ Anh	3						3		
48	Biên dịch 2	Translation 2	TRAN137	Ngôn ngữ Anh	3							3	
49	Phiên dịch 2	Interpreting 2	INTE127	Ngôn ngữ Anh	3							3	
50	Nghệ thuật nói trước công chúng	The Art of Public Speaking	APS107	Ngôn ngữ Anh	3							3	
51	Biên phiên dịch nâng cao	Advanced Translation and Interpreting	TRAN147	Ngôn ngữ Anh	3							3	
II.4.1.2	Các học phần tự chọn	Selective Units			9							9	
52	Lý luận giảng dạy Tiếng Anh	Theory of English Language Teaching	TELT106	Ngôn ngữ Anh	3							3	
53	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1	English Teaching Methods 1	ETME116	Ngôn ngữ Anh	3							3	
54	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2	English Teaching Methods 2	ETME126	Ngôn ngữ Anh	3							3	
55	Giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em	Teaching English to Young Learners	TEYL107	Ngôn ngữ Anh	3							3	
56	Thiết kế tài liệu giảng dạy	Teaching Material Development	TMDE107	Ngôn ngữ Anh	3							3	
57	Kiểm tra và đánh giá trong giảng dạy ngoại ngữ	Assessment and Evaluation in Foreign Language Teaching	AEFL107	Ngôn ngữ Anh	3							3	
58	Công nghệ trong dạy học tiếng Anh	Technology in English Language Teaching	TECH107	Ngôn ngữ Anh	3							3	
II.4.1.3	Thực tập và Học phần tốt nghiệp	Internship and Graduation thesis			10								
59	Thực tập tốt nghiệp	Internship	INTE108	Ngôn ngữ Anh	3								3
60	Khoá luận tốt nghiệp	Graduation Paper	PAPE108	Ngôn ngữ Anh	7								7

TT	Học phần (Tiếng Việt)	Học phần (Tiếng Anh)	Mã Học phần	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
	Tổng cộng (I + II)	Total (I +II)			140	15	14	21	20	20	19	21	10
II.4.2	Định hướng Quản trị Học	Administration			40								
II.4.2.1	Các học phần bắt buộc	Compulsory Units			21								
45	Biên dịch 1	Translation 1	TRAN126	Ngôn ngữ Anh	3						3		
46	Phiên dịch 1	Interpreting 1	INTE116	Ngôn ngữ Anh	3						3		
47	Quản trị nhân lực	Human Resources Management	HRM107	Ngôn ngữ Anh	3						3		
48	Quan hệ công chúng	Public Relations	PR106	Ngôn ngữ Anh	3							3	
49	Quản lý dự án	Project Management	PROJ107	Ngôn ngữ Anh	3							3	
50	Quản trị sự kiện	Event Management	EVEN107	Ngôn ngữ Anh	3							3	
51	Quản trị văn phòng	Office Management	OMAN107	Ngôn ngữ Anh	3							3	
II.4.2.2	Các học phần tự chọn	Selective Units			9							9	
52	Lý luận giảng dạy Tiếng Anh	Theory of English Language Teaching	TELT106	Ngôn ngữ Anh	3							3	
53	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1	English Teaching Methods 1	ETME116	Ngôn ngữ Anh	3							3	
54	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2	English Teaching Methods 2	ETME126	Ngôn ngữ Anh	3							3	
55	Giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em	Teaching English to Young Learners	TEYL107	Ngôn ngữ Anh	3							3	
56	Thiết kế tài liệu giảng dạy	Teaching Material Development	TMDE107	Ngôn ngữ Anh	3							3	
57	Kiểm tra và đánh giá trong giảng dạy ngoại ngữ	Assessment and Evaluation in Foreign Language Teaching	AEFL107	Ngôn ngữ Anh	3							3	
58	Công nghệ trong dạy học tiếng Anh	Technology in English Language Teaching	TECH107	Ngôn ngữ Anh	3							3	
II.4.2.3	Thực tập và Học phần tốt nghiệp	Internship and Graduation thesis			10								

TT	Học phần (Tiếng Việt)	Học phần (Tiếng Anh)	Mã Học phần	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
59	Thực tập tốt nghiệp	Internship	INTE108	Ngôn ngữ Anh	3								3
60	Khoá luận tốt nghiệp	Graduation Paper	PAPE108	Ngôn ngữ Anh	7								7
	Tổng cộng (I + II)	Total (I +II)			140	15	14	21	20	20	19	21	10
II.4.3	Định hướng Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh	English teaching Methodology			30								
II.4.3.1	Các học phần bắt buộc	Compulsory Units			21								
45	Lý luận giảng dạy Tiếng Anh	Theory of English Language Teaching	TELT106	Ngôn ngữ Anh	3						3		
46	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1	English teaching Methods 1	ETME116	Ngôn ngữ Anh	3						3		
47	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2	English teaching Methods 2	ETME126	Ngôn ngữ Anh	3						3		
48	Giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em	Teaching English to Young Learners	TEYL107	Ngôn ngữ Anh	3							3	
49	Thiết kế tài liệu giảng dạy	Teaching Material Development	TMDE107	Ngôn ngữ Anh	3							3	
50	Kiểm tra và đánh giá trong giảng dạy ngoại ngữ	Assessment and Evaluation in Foreign Language Teaching	AEFL107	Ngôn ngữ Anh	3							3	
51	Công nghệ trong dạy học tiếng Anh	Technology in English Language Teaching	TECH107	Ngôn ngữ Anh	3							3	
II.4.3.2	Các học phần tự chọn	Selective Units			9							9	
52	Tiếng Anh Kinh tế và Giao tiếp thương mại	English for Economics and Business Communication	EEBC107	Ngôn ngữ Anh	3							3	
53	Kỹ năng biên tập văn bản và viết báo cáo	Document Composing and Report Writing Skills	DOCU107	Ngôn ngữ Anh	3							3	
54	Tiếng Anh du lịch – khách sạn	English for Tourism and Hospitality	TOUR107	Ngôn ngữ Anh	3							3	
55	Tiếng Anh báo chí Truyền thông	English for Media and Journalism	JOUR107	Ngôn ngữ Anh	3							3	

TT	Học phần (Tiếng Việt)	Học phần (Tiếng Anh)	Mã Học phần	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
56	<i>Thư tín thương mại</i>	<i>Business Correspondence</i>	<i>CORR107</i>	<i>Ngôn ngữ Anh</i>	3							3	
II.4	Thực tập và Học phần tốt nghiệp	Internship and Graduation thesis			10								10
57	Thực tập tốt nghiệp	Internship	INTE108	Ngôn ngữ Anh	3								3
58	Khoá luận tốt nghiệp	Graduation Paper	PAPE108	Ngôn ngữ Anh	7								7
	Tổng cộng (I + II)	Total (I +II)			140	15	14	21	20	20	19	21	10